

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 122/2022/HC-PT

Ngày 11 - 5 - 2022

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Bà Lê Thúy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 54/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 4 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC- ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1509/2022/QĐPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1- *Người khởi kiện:* Ông Phạm C, sinh năm 1944; địa chỉ cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Duy T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

2- Người bị kiện:

2.1- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã N: Ông Nguyễn Thành D – Phó Chủ tịch UBND xã; có mặt.

2.2- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Công V - Phó chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.3- Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định;
Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Q: Ông Nguyễn Công V - Phó chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành D - Phó Chủ tịch UBND xã; có mặt.

3.2- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1946; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Đ: Ông Trần Duy T, sinh năm 1946. Cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

3.3- Chị Phạm Thị S, sinh năm 1977;

3.4- Anh Lê Văn H, sinh năm 1975;

3.5- Anh Phạm C, sinh năm 1968.

Cùng cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định; đều vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người bị kiện Chủ tịch UBND xã N– đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành D, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Nội dung vụ án được tóm tắt theo trình bày của các đương sự:

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:*

Nguyên gia đình ông có 02 ngôi nhà cất trên 02 thửa đất ở cạnh nhau hướng nhà quay ra biển, tọa lạc tại thôn L, xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định. Thửa đất thứ nhất có nguồn gốc của cha mẹ ông tạo lập cất nhà ở đã lâu, cha mẹ ông qua đời để lại cho ông sở hữu sử dụng ở từ trước năm 1975 cho đến nay. Thửa đất thứ hai có nguồn gốc do ông mua lại của ông Phạm H và bà Lê Thị H ở cùng địa phương. Năm 1996 (nguồn gốc thửa đất của ông Phạm H và bà Lê Thị H là của cha mẹ ông Phạm H cất nhà ở trước năm 1975, sau khi qua đời cha mẹ ông Phạm H để lại cho ông Phạm H tiếp tục sử dụng, sau đó ông Phạm H bán lại cho ông Phạm C). Từ trước cho đến nay, gia đình ông ở tại 02 thửa đất này ổn định, có ranh giới, tứ cận rõ ràng, ông không có lần chiếm đất đai của cá nhân hoặc đất của Nhà nước, không có bị khiếu nại hoặc bị xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai, do đó 02 thửa đất này là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình ông.

Năm 2000 (02) ngôi nhà này của ông bị bão số 8, sóng biển đập làm sập đổ nhà còn lại móng nhà và tường nên không ở được, ông phải tạm thời ở nhờ nơi khác (đây là sự việc thiên tai ngoài ý muốn), ông chờ Nhà nước có chính sách

hỗ trợ tiền để cất lại nhà hoặc chờ khi nào bản thân ông làm ăn có tiền thì ông sẽ cất lại nhà để ở, vì lúc này hoàn cảnh của ông rất khó khăn. Năm 2013, Nhà nước tiến hành làm bờ kè biển ngay trước mặt 02 ngôi nhà của ông, đến năm 2014 Nhà nước làm bờ kè và đường đi bê tông xong, có thêm dựng 02 thửa đất của gia đình ông diện tích khoảng 108m², tiếp đến năm 2020 Nhà nước tiếp tục mở rộng đường bê tông lần 2 có thêm vào đất của ông diện tích khoảng 120m², nhưng chưa giải quyết đền bù đất cho gia đình ông. Quá trình Ủy ban nhân dân xã N Ủy ban nhân dân thành phố Q lấy đất của gia đình ông để làm bờ kè, đường đi bê tông không làm đúng thủ tục, trình tự theo quy định của pháp luật, không có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền.

Năm 2015, ông về tiến hành cất lại nhà trên 02 thửa đất của ông để ở, bị Ủy ban nhân dân xã N ngăn cản không cho ông cất nhà, với lý do là 02 thửa đất của ông bỏ hoang không sử dụng từ lúc bão lụt làm sập nhà từ năm 2000 đến năm 2015 là quá lâu, nên Ủy ban nhân dân xã N đã thu hồi 02 thửa đất của ông để sử dụng vào mục đích công cộng. Xét thấy lý do của Ủy ban nhân dân xã N nêu ra là không đúng, vì nhà đất này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông, nên không có cơ quan nào có quyền lấy nhà, đất của ông mà không có sự đồng ý của ông (Không có Quyết định thu hồi đất), việc Ủy ban nhân dân xã N áp dụng điều 21, Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để lấy 02 thửa đất của ông là không đúng quy định của pháp luật, vì nội dung Điều 21 Nghị định số: 43 là xác định chủ hộ sử dụng đất có liên tục hay không, thuộc loại đất gì (đất vườn hay đất ở), để xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ tại Điều 21 không có nội dung nói về việc thu hồi đất (trường hợp 02 thửa đất của ông là đất đã cất nhà ở đã lâu hơn 50 năm), do đó việc Ủy ban nhân dân xã N áp dụng Điều 21 Nghị định số: 43 là sai quy định của pháp luật. Ông đã làm đơn khiếu nại vụ việc từ năm 2015 cho đến nay. Ngày 06/6/2017, Ủy ban nhân dân xã N ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 117/QĐ-UBND nội dung sai với quy định của pháp luật, nên ông không đồng ý và tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố Q, ngày 15/5/2018 Ủy ban nhân dân thành phố Q ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số: 2981/QĐ-UBND với nội dung không đúng quy định của pháp luật. Việc Ủy ban nhân dân xã N và Ủy ban nhân dân thành phố Q cho rằng thửa đất thứ hai của ông thuộc quyền sở hữu sử dụng của con gái ông là Phạm Thị S và bà S đã công nhận thửa đất này là đất công cộng, nên không có quyền khiếu nại là không đúng thực tế và trái với quy định của pháp luật, vì nguồn gốc đất nhà này là của ông mua của bà Lê Thị H và ông Phạm H năm 1996. Năm 1996, ông cho con gái ở nhờ tạm thời trên đất của ông chứ ông không viết giấy bán hoặc cho nhà đất này cho con gái sở hữu, sử dụng, nên nhà đất này thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông. Do đó, việc Ủy ban nhân dân xã N và Ủy ban nhân dân thành phố Q cho rằng thửa đất thứ hai là của con gái ông là không đúng pháp luật, do đó ông không đồng ý với nội dung 02 Quyết định nêu trên. Ông khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, yêu cầu hủy các Quyết định hành chính đối với Quyết định số: 117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định, Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vì 02 Quyết định hành chính nêu trên về hình thức thời gian ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2 quá hạn, phần nội dung giải quyết khiếu nại trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông. Ông yêu cầu cấp có thẩm quyền giải quyết công nhận phần diện tích đất còn lại của 02 thửa đất (sau khi đã lấy đất của ông làm bờ kè, đường đi bê tông) để gia đình ông sở hữu, sử dụng cất nhà ở theo quy định pháp luật.

- *Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:*

Ngày 12/4/2016, UBND xã N nhận đơn của ông Lê Văn H, cư trú tại: Thôn L về việc xin cấp lại quyền sử dụng đất tại khu vực bờ kè thôn L. Ngày 20/4/2016, UBND xã N đã chỉ đạo bộ phận địa chính và các ngành chức năng của xã và thôn tiến hành xác minh về nguồn gốc đất của ông Lê Văn H tại thôn L, xã N như sau:

Thửa đất và ngôi nhà của vợ chồng ông Lê Văn H, bà Phạm Thị S có nguồn gốc do cha vợ là ông Phạm C mua lại của vợ chồng bà Lê Thị H năm 1996, sau đó để lại cho vợ chồng ông H ở, ngôi nhà ngói diện tích khoảng 5m x 8m = 40m². C giới cận: Đông giáp bụi tra của ông Phạm C; Tây giáp đường đất; Nam giáp bãi biển; Bắc giáp bức dọc nhà ông Võ Ngọc C. Thửa đất này có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào thời điểm năm 1996, việc mua bán sang nhượng chỉ mang tính chất thỏa thuận hai bên. Ông H không cung cấp được giấy tờ xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, nên không có chứng cứ, cơ sở pháp lý đối với thửa đất của vợ chồng ông H sử dụng trước đây. Năm 2001, bị ảnh hưởng cơn bão số 8, nhiều nhà dân tại khu vực bãi biển thôn Lý Chánh và L đã làm sập hoàn toàn nhiều nhà dân chỉ còn lại đất trống hoặc còn lại một số vết tích như tường, móng, như nhà ông Nguyễn Thành T, nhà ông K... trong đó có hộ gia đình ông H nên từ đó họ không ở nữa và đã tự chuyển đi nơi khác ở, sau đó tất cả các thửa đất của các hộ dân cũng như thửa đất của vợ chồng ông H bỏ hoang từ năm 2001 đến nay không sử dụng vào mục đích gì khác (thời gian không sử dụng là 15 năm). Hơn nữa, từ năm 2001 đến năm 2010 khu vực này thương xuyên bị triều cường xâm thực nên chỉ còn lại bãi cát trống dọc biển. Năm 2010, triển khai thi công và sau khi xây dựng hoàn thành đưa vào vận hành quản lý công trình đê N (đoạn thôn L) mới hình thành khoản đất trống còn lại do Nhà nước quản lý và đã có văn bản trả lời cho ông H tại công văn số 31/UBND-ĐC ngày 26/4/2016 của Chủ tịch UBND xã N. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố Q tại Văn bản số 2618/UBND-ĐT ngày 13/9/2016 về việc giải quyết đơn của ông Phạm C, hiện ở thành phố Q. Ủy ban nhân dân xã N đã kiểm tra, xác minh về nguồn gốc đất của ông Phạm C. Qua xác minh bà Lê Thị H ở thôn L, xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định cung cấp như sau: Thửa đất năm 1996 ông Phạm C mua của vợ chồng bà H, sau đó ông C để lại cho vợ chồng con gái là bà Phạm Thị S, ông Lê Văn H ở. Ngôi nhà có diện tích khoảng 40m², có giới cận: Đông giáp bụi cây tra nhà cũ của ông C đã bị

sập, Tây giáp đường đất, Nam giáp bãi biển, Bắc giáp bức đốc nhà ông Võ Ngọc C. Thửa đất này, năm 1996 mua bán chỉ mang tính chất thỏa thuận hai bên. Từ năm 1996 đến năm 2000 thường xuyên bị triều cường xâm thực, năm 2001 bị ảnh hưởng cơn bão số 8, đã làm sập hoàn toàn nhiều nhà dân chỉ còn lại đất trống hoặc còn lại một số vết tích như: tường, móng... đồng thời UBND xã N đã có văn bản trả lời đơn cho ông Phạm C, tại văn bản số 82/UBND-ĐC ngày 26/9/2016. Ngày 02/11/2016, UBND xã N tiếp nhận đơn của ông Phạm C, hiện ở thành phố Q về việc xin xây dựng nhà tại khu vực bờ kè thôn L, xã N. Qua kiểm tra thực tế thửa đất nêu trong đơn và UBND xã N đã trả lời đơn cho ông Phạm C, tại văn bản số 93/UBND-ĐC ngày 04/11/2016. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố Q tại văn bản số: 3236/UBND-ĐT ngày 14/11/2016 về việc giải quyết đơn của ông Phạm C, cư trú tại: thành phố Q. Ngày 09/12/2016, UBND xã N đã cử cán bộ chuyên môn tiến hành xác minh những người biết về nguồn gốc đất của ông Phạm C như sau:

Ông Đinh Văn P, ông Võ Ngọc C đều cho biết thửa đất của con gái ông Phạm C là bà Phạm Thị S mua lại của vợ chồng ông Phạm H và bà Lê Thị H, ở thôn L, xã N thành phố Q vào năm 1996, thuộc khu dân cư thôn L, xã N có diện tích 40m², giới cận: Đông giáp bụi cây tra của ông Phạm C; Tây giáp đường đất; Nam giáp bãi biển; Bắc giáp bức đốc nhà ông Võ Ngọc C. Vợ chồng bà Phạm Thị S sử dụng xây dựng nhà ở từ năm 1996 đến năm 2001 thì bị triều cường xâm thực và bão đã làm sập hoàn toàn ngôi nhà và vợ chồng bà S bỏ hoang thửa đất nêu trên và đã di chuyển đi nơi khác, có nhà ở ổn định cũng tại thôn L, xã N thành phố Q. Riêng đất nhà ông Phạm C tại khu dân cư thôn L, xã N năm 2001 bị bão làm sập hoàn toàn ngôi nhà, chỉ còn lại móng, không sử dụng, bỏ hoang từ đó cho đến nay.

Thực hiện thông báo kết luận của phó Chủ tịch UBND thành phố Q, ông Nguyễn Công Vịnh tại văn bản số 298/UBND – DT ngày 21/4/2017 tại cuộc họp nghe phòng TNMT thành phố báo cáo kết quả kiểm tra đề xuất giải quyết đơn của ông Phạm C. Ngày 10/5/2017, UBND xã N đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại là ông Phạm C, tại thời điểm đối thoại ông không cung cấp các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013, năm 2011 UBND thành phố phê duyệt thiết kế dự toán xây dựng công trình đê biển N (đoạn L) ông cũng không có ý kiến gì. Năm 2011, địa phương triển khai lập bộ thu thuế đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã trong đó có gia đình ông Phạm C, nhưng ông Phạm C không kê khai nộp tiền thửa đất này. Do đó, việc UBND xã N không có căn cứ để đề nghị cấp thẩm quyền giao lại quyền sử dụng đất cho ông Phạm C. Qua buổi đối thoại ông Phạm C không thống nhất; UBND xã đã có báo cáo kết quả đối thoại giải quyết khiếu nại tại văn bản số 26/BC-UBND ngày 10/5/2017 và ra quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C theo quy định và Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 2981/QĐ- UBND ngày 15/5/2018.

Theo quyết định số 3230/QĐ-CTUBND ngày 25/12/2009 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đê biển Q (đê N). Qua đối chiếu với hồ sơ khảo sát bản vẽ địa hình, tại vị trí cọc A7-A8 thì có bãi biển và có nền nhà dân ở hiện trạng chênh lệch nhau khoảng từ 3m-7m, tại vị trí này là đất trống của bãi biển, không có móng, nhà ở và không có hộ gia đình bị ảnh hưởng vật kiến trúc, đất ở. Do đó, không thực hiện công tác hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng. Trong thời gian thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình: Đê biển Q (đê N), hạng mục: Đoạn đê phía L, L= 323,25m được khởi công xây dựng ngày 16/7/2011 và hoàn thành ngày 31/5/2012, hộ ông Phạm C không có đơn khiếu nại gì liên quan đến đất của ông Phạm C bị ảnh hưởng đối với dự án nêu trên. Công trình hoàn thiện lưới điện hạ áp khu vực Q, A, P do Công ty điện lực Bình Định làm chủ đầu tư và được phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-BPPC ngày 03/02/2015, trong đó có mặt bằng thi công nhánh rẽ DZ-0,4KV tại C4-TBA Lý Chánh 2 (xã N) được giao nhận tim mốc thi công xây dựng công trình ngày 05/11/2015 và nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 29/02/2016 (đoạn đường dây phía đê biển L từ cột C4/3 đến C4/10) vị trí cắm trụ điện tại thửa đất mà ông Phạm C đang khiếu nại là cột C4/9, trong quá trình triển khai thi công đến khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hộ ông Phạm C không có đơn khiếu nại đối với dự án nêu trên.

Xã N là xã bãi ngang ven biển, trực thuộc thành phố Q thường xuyên bị ảnh hưởng bão, triều cường xâm thực hàng năm, do đặc thù của địa phương trước năm 2017 trên địa bàn xã N không có sổ địa chính, sổ mục kê và Bản đồ địa chính xã N.

Năm 2017, thực hiện Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND thành phố Q về việc đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã N UBND địa phương xã đã phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định triển khai đo đạc, hướng dẫn người dân thực hiện việc đăng ký, kê khai và làm các thủ tục theo quy định chung để xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân. Theo bản đồ địa chính của xã N được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định ký duyệt ngày 28/5/2018, thì khoản đất ông Phạm C đang khiếu nại là khoản đất trống giáp thửa đất số 04 nhà ông Đinh Nại và thửa đất số 05 của nhà ông Đinh Văn Bình, thuộc tờ bản đồ số 26 do Nhà nước quản lý.

Ý kiến của UBND xã là yêu cầu ông Phạm C chấp hành theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C và Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND xã N.

- Người đại diện hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Công Vĩnh – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:

Ông Phạm C có đơn khiếu nại Quyết định số:117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm C, địa chỉ: Số nhà 41B đường Hàn Thuyên, phường Hải Cảng, thành phố

Q và ông C đề nghị công nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất tại thôn L, xã N thành phố Q.

Thửa đất thứ nhất: Thửa đất có nguồn gốc của ông Phạm C đã ở từ lâu. Năm 2001, do bão làm sập nhà hoàn toàn chỉ còn lại một đoạn móng nhà, ông Phạm C đã chuyển đi nơi khác sinh sống, bỏ đất trống từ đó đến nay. Hiện trạng thửa đất trống, vị trí thửa đất ông Phạm C đề nghị công nhận không có ranh giới, không xác định được kích thước, chỉ có một đoạn móng cũ.

Thửa đất thứ hai: Năm 1996, ông C mua nhà của bà Lê Thị H, sau đó cho lại con là Phạm Thị S ở; đến năm 2001, do bão làm sập nhà hoàn toàn, bà S chuyển đến nơi khác sinh sống, bỏ đất trống từ đó đến nay. Hiện trạng thửa đất: Đất trống, không có ranh giới, không xác định được kích thước.

Trên cơ sở xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N đã ban hành Quyết định số:117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm C với nội dung: Không công nhận nội dung đơn của ông Phạm C đề nghị công nhận 02 thửa đất tại thôn L, xã N cho gia đình ông Phạm C. Ông Phạm C không đồng ý với kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân xã N và tiếp tục có đơn khiếu nại Quyết định số:117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm C, đề nghị công nhận phần đất còn lại của ông Phạm C tại thôn L, xã N. Ủy ban nhân dân thành phố Q đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp Ủy ban nhân dân xã N và các đơn vị có liên quan kiểm tra hồ sơ, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố Q giải quyết đơn của ông Phạm C theo quy định. Xét đề xuất của phòng TNMT tại văn bản số 96/BC-TNMT ngày 22/11/2017, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số: 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C với nội dung: Không công nhận nội dung đơn của ông Phạm C khiếu nại Quyết định số:117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm C và không công nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất tại thôn L, xã N cho gia đình ông Phạm C. Đồng thời, công nhận Quyết định số:117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND xã N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm C là đúng theo quy định pháp luật. Vì thửa đất thứ nhất hiện trạng thửa đất ông Phạm C đề nghị công nhận là đất trống, không có cơ sở để xác minh ranh giới, kích thước thửa đất, có độ dốc cao so với mặt đường hiện trạng; Mặt khác, thửa đất đã bị triều cường xâm thực khoảng từ năm 2000, làm sập nhà nên từ đó đến nay ông Phạm C không sử dụng. Thửa đất thứ hai, trước đây bà Phạm Thị S có đơn đề nghị công nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã N đã có văn bản số: 32/UBND-ĐC ngày 26/4/2016 trả lời đơn khiếu nại của bà Phạm Thị S, bà S đã thừa nhận đây là đất công nên từ đó đến nay bà S không còn đơn khiếu nại hoặc yêu cầu gì. Mặt khác, ông Phạm C cũng không được bà S ủy quyền để khiếu nại đề nghị Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Q ban hành Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C, địa chỉ: thành phố Q là đúng theo quy định của pháp luật. Việc ông Phạm C yêu cầu hủy

Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất tại thôn L, xã N cho vợ chồng ông Phạm C và xem xét việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đối với 02 thửa đất nói trên cho vợ chồng ông Phạm C là không có cơ sở.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Đ trình bày:* Bà là vợ của ông Phạm C; Bà thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của chồng bà là ông Phạm C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Phạm Thị S trình bày:*

Chị là con của ông Phạm C. Về nguồn gốc 02 thửa đất mà ông Phạm C đang thực hiện việc khiếu nại:

- Thửa đất thứ nhất có nguồn gốc là của ông bà để lại cho cha mẹ chị, cha mẹ chị ở tại ngôi nhà này từ trước ngày giải phóng đến nay. Đến năm 2000, do ảnh hưởng của bão, sóng biển nên nhà bị sập; cha mẹ chị đi ở nhờ nơi khác. Trước khi cha mẹ chị đi vào Q ở tạm, có họp gia đình phân công cho chị và anh Phạm C ở lại gần chỗ 02 thửa đất này để trông coi, giữ gìn nhà đất của cha mẹ; chờ khi nào Nhà nước có hỗ trợ tiền cất nhà thì báo cho cha mẹ chị biết để về cất lại nhà ở.

- Thửa đất thứ hai nằm sát thửa đất thứ nhất, có nguồn gốc là cha chị mua lại của vợ chồng ông Phạm H, bà Lê Thị H vào năm 1996; sau đó cha mẹ chị cho chị ở nhờ, năm 2000, do ảnh hưởng của bão, sóng biển đập làm sập nhà không ở được, chị đi ở tạm nơi khác. Trước khi cha mẹ chị chuyển đến chỗ ở khác có họp gia đình dặn dò chị và anh Phạm C trông coi, giữ gìn đất của cha mẹ, chờ đến khi Nhà nước có hỗ trợ tiền cất nhà thì báo cho cha mẹ chị biết để cất lại nhà để ở.

Sau khi cha mẹ chị đi vào Q ở tạm, chị và anh Phạm C thay nhau trông coi 02 thửa đất nói trên. Nhà chị ở thôn L cách nhà đất của cha mẹ chị khoảng 300m. Theo chị được biết, trước đây trên địa bàn xã N không có kê khai nộp thuế, không có đo đạc, không có bản đồ địa chính. Đến khoảng năm 2017, chính quyền địa phương mới thông báo đăng ký kê khai nộp thuế nhà đất và đo đạc nhà đất cho nhân dân theo quy định.

Nay chị thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của cha chị (ông Phạm C), ngoài ra chị không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Lê Văn H trình bày:* Anh là con rể của ông Phạm C và là chồng chị Phạm Thị S. Anh thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phạm C. Ngoài ra, anh không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Phạm C trình bày:*

Anh là con của ông Phạm C. Về nguồn gốc 02 thửa đất mà ông C đang thực hiện việc khiếu nại:

Thửa đất thứ nhất có nguồn gốc là của ông bà để lại, có vị trí là giáp biển. Cha mẹ anh sinh sống, cất nhà tại thửa đất nói trên từ khi được ông bà cho đến năm 2000, do ảnh hưởng của bão, sóng biển làm sập nhà nên không ở được; cha mẹ anh mới chuyển vào thành phố Q, tỉnh Bình Định sinh sống. Trước khi cha anh đi, gia đình có họp và cha anh có dặn dò các con là anh và chị Phạm Thị S trông coi, giữ gìn nhà đất của cha mẹ; chờ đến khi nhà Nước có hỗ trợ tiền cất nhà thì báo cho cha mẹ anh biết để về cất lại nhà ở.

Thửa đất thứ hai nằm sát thửa đất thứ nhất, có nguồn gốc là cha anh mua lại của vợ chồng ông Phạm H, bà Lê Thị H vào năm 1996; sau đó cha mẹ anh để lại cho vợ chồng em gái anh là chị Phạm Thị S ở nhờ cho đến năm 2000, do ảnh hưởng của bão, sóng biển đập làm sập nhà không ở được, trước khi cha mẹ anh chuyển đến chỗ ở khác có họp gia đình dặn dò anh và chị S coi ngó, giữ gìn đất của cha mẹ, chờ đến khi nhà nước có hỗ trợ tiền cất nhà thì báo cho cha mẹ anh biết để cất lại nhà ở.

Sau khi cha mẹ anh đi vào Q ở tạm, anh và chị S thay nhau trông coi 02 thửa đất nói trên. Nhà anh cách nhà đất của cha mẹ anh khoảng 300m. Việc cha anh dặn dò anh và chị Phạm Thị S trông coi, giữ gìn nhà đất của cha mẹ chỉ nói bằng miệng trong gia đình biết. Theo anh được biết, trước đây trên địa bàn xã N không có kê khai nộp thuế, không có đo đạc, không có bản đồ địa chính. Đến khoảng năm 2017, chính quyền địa phương mới thông báo đăng ký kê khai nộp thuế nhà đất và đo đạc đất cho nhân dân theo quy định.

Nay anh thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của cha anh (ông Phạm C), ngoài ra anh không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

- Những người làm chứng là các ông Lê Thành T, Đinh Văn P, Trần Hữu Đ, Trần M, Võ L, Phạm M, Bùi Văn H, Đinh Văn M, Lê Thị H thống nhất trình bày :

Trong quá trình sinh sống tại địa phương, những người nói trên biết được nguồn gốc 02 thửa đất tọa lạc tại thôn L, xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định mà ông Phạm C đang thực hiện việc khiếu nại như sau:

Thửa đất thứ nhất có mặt tiền giáp biển, có nguồn gốc là của ông bà ông Phạm C tạo lập, cất nhà ở từ lâu, cha mẹ ông C qua đời để lại cho ông Phạm C sử dụng ở từ trước ngày giải phóng cho đến nay. Đến năm 2000, do bị ảnh hưởng của bão, sóng biển đập làm sập nhà nên gia đình ông Phạm C đi ở tạm nơi khác chờ Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền để cất nhà ở.

Thửa đất thứ hai có vị trí nằm sát thửa đất thứ nhất có mặt tiền giáp biển. Thửa đất này có nguồn gốc của ông Phạm H, bà Lê Thị H cất nhà ở từ trước ngày giải phóng; sau đó ông H, bà H bán lại cho ông Phạm C vào năm 1996, gia đình ông Phạm C ở đến năm 2000 thì bị ảnh hưởng của bão, sóng biển làm sập nhà không ở được nên đi ở tạm nơi khác, chờ Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền để cất lại nhà ở, hiện nay có hai người con của ông Phạm C là Phạm C và Phạm Thị S có nhà ở riêng tại thôn L, cách nhà đất của ông Phạm C bị sập khoảng 300m và thường xuyên đến trông coi và giữ gìn hai thửa đất này. Năm

2014, khi Nhà nước làm bờ kè, đường bê tông xong thì chúng tôi có nghe thông tin ông Phạm C quay về khiếu nại đòi lại hai thửa đất để cất nhà ở.

Trước đây, trên địa bàn xã N không có chính sách kê khai nộp thuế, không có đo đạc, không có bản đồ địa chính. Đến những năm gần đây, khoảng năm 2017, chính quyền địa phương mới thông báo cho bà con nhân dân kê khai nộp thuế và đo đạc nhà đất cho nhân dân.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2019/HC-ST ngày 24-12-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định: Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm C.

Bản án sơ thẩm đã bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm (số 09/QĐ-VC2-HC ngày 17-01-2020) và ông Phạm C kháng cáo.

[3] Tại bản án hành chính phúc thẩm số: 151/2020/HC- PT ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ; hủy bản án hành chính sơ thẩm 67/2019/HC-ST ngày 24-12-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2021/HC- ST ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; b khoản 1 Điều 143 khoản 2 Điều 165 và khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm C yêu cầu xem xét việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi một phần diện tích của 02 thửa đất

tại thôn L, xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông Phạm C theo quy định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm C:

- Hội Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C (lần đầu).

- Hội Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định và Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định công nhận phần diện tích đất còn lại của 02 thửa đất (sau khi đã lấy đất của ông Phạm C làm bờ kè, đường bê tông) để gia đình ông Phạm C sở hữu, sử dụng cất nhà ở theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

[5] Kháng cáo: Ngày 17-02-2022, ông Nguyễn Thành D, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã N kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N và Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại. Bác yêu cầu công nhận phần diện tích đất còn lại 02 thửa đất của ông Phạm C.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11-5-2022

Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là khi khảo sát và thi công Dê biển N thì cos bãi biển và cos nhà dân cách nhau từ 03-07m, tại vị trí này là đất trống của bãi biển, không có móng nhà ở và không có vật kiến trúc nào của dân bị ảnh hưởng; nên không có việc lấy đất của ông C làm bờ kè dê biển. Dấu tích còn lại chỉ có một phần móng đá loca, ranh giới thửa đất không có, ông Phạm C tự chỉ ranh giới cho đơn vị thuê vẽ nên UBND xã N không thống nhất với diện tích và ranh giới đo đạc này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện cho UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị S, anh Lê Văn H, anh Phạm C vắng mặt; tuy nhiên theo quyết định của bản án sơ thẩm thì chị S, anh H và anh C không có quyền và nghĩa vụ gì và cũng không có kháng cáo. Người đại diện của người khởi kiện có báo cáo bằng văn bản đã liên hệ chị S, anh H, anh C nhưng họ đều đề nghị được xét xử vắng mặt; đồng thời do không liên quan đến việc kháng cáo nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ngày 12/12/2015, vợ chồng ông Phạm C có đơn khiếu nại đề nghị xác nhận về nguồn gốc hai thửa đất, đề nghị kiểm tra đo đạc, xác định lại đất của nhà ông Phạm C ở thôn L, xã N do bão bị sóng biển làm sập và đã được UBND xã N cắm mốc xây dựng bờ kè xương lý, công nhận diện tích còn lại để ông Phạm C xây dựng lại nhà ở. Ngày 06/6/2017 Chủ tịch UBND xã N ban hành Quyết định số 117/QĐ-UBND, không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, ông Phạm C tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND thành phố Q. Ngày 15/5/2018 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 2981/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C (lần đầu); hủy Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C (lần hai); buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định và Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định công nhận phần diện tích đất còn lại của 02 thửa đất (sau khi đã lấy đất của ông Phạm C làm bờ kè, đường bê tông) để ông Phạm C sở hữu, sử dụng cất nhà ở theo quy định của pháp luật. Người kháng cáo yêu cầu xem xét phần quyết định này của Bản án sơ thẩm.

[2] Xét tính hợp pháp và căn cứ của các quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện:

[2.1] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng 02 thửa đất ông C khiếu nại:

Thửa đất thứ nhất là của cha mẹ ông Phạm C để lại; vợ chồng ông Phạm C sinh sống trên thửa đất này, đến năm 2000 do bão số 8 làm ảnh hưởng nhà bị

sập, vợ chồng ông Phạm C chuyển đến phường Hải Cảng, thành phố Q sinh sống.

Thửa đất thứ 02 là do vợ chồng ông Phạm C mua lại của vợ chồng ông Phạm H và bà Lê Thị H vào năm 1996. Sau đó, cho con gái là Phạm Thị S có chồng là ông Lê Văn H, vợ chồng bà S ở đến năm 2001 bị bão làm sập nhà nên chuyển đi nơi khác sinh sống. Tại Công văn số 32/UBND - ĐC ngày 26/4/2016 của UBND xã N đã thừa nhận thửa đất và ngôi nhà của ông Lê Văn H, bà Phạm Thị S có nguồn gốc do cha vợ là ông Phạm C mua lại của vợ chồng bà Lê Thị H năm 1996 (tài bút lục 735).

Hiện nay, trên hai thửa đất này còn vật kiến trúc của hai ngôi nhà; tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2021 (bút lục 814) thể hiện: về hiện trạng 02 thửa đất, thửa thứ nhất nguồn gốc của ông bà để lại, thửa đất cao hơn mặt đường bê tông khoảng 3 mét, phía Bắc giáp nhà ông Đinh Nại và ông Đinh Văn Bình, phía Tây giáp đường đất, phía Đông giáp đất UBND xã Nhơn lý quản lý, phía Nam giáp bờ kè, trên đất có tường móng cũ đã sập lờ (phía Bắc có một đoạn tường cũ của ngôi nhà cũ của ông Phạm C còn sót lại). Thửa thứ hai, theo ông Phạm C, đất có nguồn gốc mua của vợ chồng bà Lê Thị H; hiện trạng, đất cao hơn so với mặt đường bê tông 03 mét, phía Bắc giáp nhà ông Võ Ngọc C, phía Tây giáp đường bê tông, phía Đông giáp đường đất, phía Nam giáp đường bê tông. Trên 02 thửa đất là đất trống, các cây cối đã được phát dọn, phía Bắc có một đoạn tường cũ. Hiện tại, thửa thứ nhất đã xây dựng tường chắn cát, sập lờ của công trình tuyến đê N vào tháng 10/2020 với chiều dài 11,4m cao 70cm, điểm khóa tường 1,34m vỉa hè rộng 3m (được chạy dọc theo cả hai thửa đất).

Tại Công văn số 82/UBND - ĐC ngày 26/9/2016 của UBND xã N (bút lục 734), thể hiện *“từ năm 1996 đến năm 2000 thường xuyên bị triều cường xâm thực, năm 2001 bị bão số 8 làm sập hoàn toàn nhiều nhà dân chỉ còn lại đất trống hoặc còn lại một số vết tích như tường, móng nhà ông Nguyễn Thành T, nhà bà Võ Thị B, nhà bà Lý Thị M, nhà bà Trần Thị S... trong đó có nhà của con gái ông Phạm C là bà Phạm Thị S”*. Tại công văn số 93/UBND –ĐC ngày 04/11/2016 của UBND xã N (bút lục 733) thể hiện: *“năm 2000 triều cường xâm thực và bị ảnh hưởng bão số 8, hộ gia đình ông Phạm C đã chuyển đi nơi khác từ đó đến nay, chỉ còn lại móng nhà phía Bắc...”*

[2.2] Xét yêu cầu xác nhận nguồn gốc và kiểm tra đo đạc phần đất sử dụng của ông Phạm C: nguồn gốc hình thành nhà và đất mà ông Phạm C đang khiếu nại là do cha mẹ ông Phạm C để lại và ông Phạm C nhận chuyển nhượng mà có. Sau năm 2000 ông Phạm C đã chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng vẫn còn nguyên hiện trạng sử dụng đất của ông Phạm C; Nhà nước chưa giao cho người

khác sử dụng đất theo các chính sách, dự án cải tạo đất đai qua các thời kỳ. Về hồ sơ kê khai, đăng ký và nộp thuế đất, xã N là một trong ba xã đảo của thành phố Q, tỉnh Bình Định, hầu hết các gia đình đều sinh sống bằng nghề đi biển. Theo Công văn số 83/UBND – ĐC ngày 06/8/2019 của UBND xã N (bút lục 716) thì *“từ năm 2011 trở về trước, điều kiện kinh tế xã hội của địa phương khó khăn, đặc thù tập quán nên các cấp thẩm quyền, UBND xã chưa thực hiện việc lập bộ và thu thuế nhà đất theo quy định”*. *“Từ trước đến nay, trên địa bàn xã N không có sổ địa chính, sổ mục kê và bản đồ địa chính xã N”*. Đến năm 2017 mới thực hiện Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND thành phố Q về việc đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã N. Trong khi đó, vào ngày 12/12/2015, vợ chồng ông Phạm C đã có đơn khiếu nại đề nghị xác nhận về nguồn gốc hai thửa đất, đề nghị kiểm tra đo đạc, xác định lại đất của nhà ông Phạm C ở thôn L. Như vậy, từ trước năm 2015 việc hộ ông Phạm C không đăng ký, kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước không phải lỗi của hộ gia đình ông Phạm C; đây là chính sách của Chính quyền tạo điều kiện thuận lợi chung cho cuộc sống khó khăn của nhân dân ở xã đảo N nên ông Phạm C cũng đương nhiên được hưởng. Do thực tế có sử dụng đất, nguồn gốc hình thành rõ ràng, nên ông Phạm C có quyền yêu cầu chính quyền địa phương xác nhận nguồn gốc sử dụng đất cho ông và đo đạc đúng vị trí, xác định diện tích đất thực tế mà ông đã sử dụng. UBND xã N đã không thực hiện hành vi xác nhận nguồn gốc và đo đạc xác định phần diện tích đất còn lại mà ông Phạm C đã sử dụng trên thực tế là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Phạm C.

[2.3] Từ những nội dung phân tích trên, thấy rằng Chủ tịch UBND xã N ban hành Quyết định khiếu nại số 117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 không công nhận nội dung khiếu nại của ông Phạm C, cho rằng *“đối với thửa đất thứ nhất năm 2000 triều cường xâm thực, ông Phạm C chuyển nhà đi nơi khác, chỉ còn gốc móng tường phía Bắc không sử dụng được. Năm 2011, Nhà nước đầu tư xây dựng kè chắn sóng xương lý, phần đất của ông Phạm C sử dụng cho mục đích công cộng từ năm 2000 đến năm 2017, thửa đất này ông Phạm C không sử dụng liên tục vào mục đích nhất định là nhà ở. Từ năm 2000 đến năm 2017, thửa đất thứ hai không còn là đất của ông Phạm C nữa, nên ông C không có quyền khiếu nại. Tại thời điểm giải quyết khiếu nại, ông Phạm C không có bất kỳ một giấy tờ nào được quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013, ông Phạm C không kê khai nộp thuế nhà đất đối với hai thửa đất nói trên”*. Nhận định này không phù hợp với thực tiễn quản lý đất đai tại khu vực xã N không phù hợp với ý kiến của người bị kiện là khi xây dựng bờ kè chắn sóng là ở phần đất bờ biển, không xâm phạm phần đất đang sử dụng của nhân dân. Quyết định số 2981/QĐ-UBND

ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q giải quyết khiếu nại lần hai đã giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Phạm C cũng không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm C. Bản án sơ thẩm đã quyết định hủy Quyết định khiếu nại số 117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 và Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 nêu trên là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu công nhận phần diện tích đất còn lại của 02 thửa đất (sau khi đã làm bờ kè, đường bê tông) để gia đình ông Phạm C sở hữu, sử dụng cất nhà ở theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm C thuộc trường hợp sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004, không vi phạm pháp luật về đất đai, được UBND xã xác nhận là đất không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, được quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Hơn nữa, theo công văn số 146/UBND- ĐC ngày 21/12/2021 của UBND xã N xác định xã N là xã bãi ngang ven biển trực thuộc thành phố Q thường xuyên bị ảnh hưởng bão, triều cường xâm thực hàng năm, nhiều lớp nhà ở của các hộ dân bị cuốn trôi sập và bỏ hoang không còn sử dụng, đến khi thi công hoàn thành tuyến kè năm 2012 thì mới được ổn định cuộc sống của hộ dân tại khu vực nhà ở còn lại. Do đặc thù của địa phương trước năm 2017 trên địa bàn xã N không có sổ địa chính, sổ mục kê và bản đồ địa chính xã N. Đến năm 2017, thực hiện quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND thành phố Q về việc đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã N. Địa phương đã phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định triển khai đo đạc, hướng dẫn người dân thực hiện việc đăng ký, kê khai và làm các thủ tục theo quy định để xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp này ông Phạm C có quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng phần đất mà ông đã sử dụng thực tế trước ngày 01/7/2004.

Theo bản đồ địa chính xã N được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định ký duyệt ngày 28/5/2018 thì khoảnh đất ông Phạm C đang khiếu nại là một phần thửa đất số 03 tờ bản đồ số 26 có diện tích khoảng 583,5m² thuộc đất BCS (đất bằng chưa sử dụng) giáp thửa đất số 04 của nhà ông Đinh Nại và thửa đất số 05 của nhà ông Đinh Văn Bình, thửa đất số 06 của ông Võ Ngọc C; tuy nhiên, vào năm 2015 ông Phạm C đã có yêu cầu, xác định nguồn gốc và đo đạc xác định vị trí ranh giới diện tích đất đã sử dụng còn lại để lập thủ tục đăng ký kê khai xin công nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 12/12/2015, vợ chồng ông Phạm C có đơn khiếu nại đề nghị xác nhận về nguồn gốc hai thửa đất, đề nghị kiểm tra đo đạc, xác định lại thửa đất còn lại để ông Phạm C xây dựng nhà ở. Nhưng đến ngày 28/5/2018 mới lập bản đồ địa chính xã N mà đưa phần đất này

vào thành thửa đất số 03 do Nhà nước quản lý là không đúng.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm buộc UBND có thẩm quyền “*công nhận phần diện tích đất còn lại của 02 thửa đất (sau khi đã lấy đất của ông Phạm C làm bờ kè, đường bê tông) để gia đình ông Phạm C sở hữu, sử dụng cất nhà ở theo quy định của pháp luật*”. Ông Phạm C đang khiếu nại ở giai đoạn xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng sử dụng đất và sự phù hợp với quy hoạch, yêu cầu tiến hành xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất sử dụng, công việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã. Trong khi theo trình bày của ông Phạm C thì một thửa ông sử dụng khoảng 120m², một thửa ông làm nhà diện tích nhà là khoảng 40m²; như vậy là chưa xác định rõ diện tích, ranh giới, vị trí. Việc công nhận quyền sử dụng đất phải qua các thủ tục đầy đủ theo Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ (ngay những trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thực hiện các thủ tục, nghĩa vụ thì cũng chưa được công nhận quyền sử dụng đất). Do đó, trường hợp này chưa đủ điều kiện về trình tự, thủ tục và hồ sơ hoàn chỉnh để buộc công nhận quyền sử dụng đất, nội dung quyết định này không thể thi hành án được. Hơn nữa, nội dung xác định: *(sau khi đã lấy đất của ông Phạm C làm bờ kè, đường bê tông)* cũng chưa chính xác, bởi chưa xác định rõ diện tích đất ông Phạm C có ảnh hưởng khi làm bờ kè hay không. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần quyết định này cho phù hợp với trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, trường hợp này án phí sơ thẩm được giữ nguyên như quyết định của Bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định (ông Nguyễn Thành D là người đại diện theo uỷ quyền), sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC- ST ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm C:

- Hủy Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm C (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã N thành phố Q, tỉnh Bình Định và Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định theo thẩm quyền, tiến hành thực hiện việc xác nhận nguồn gốc, tình trạng sử dụng đất; thực hiện các thủ tục để đo đạc xác định vị trí, ranh giới, diện tích (trừ phần đất đã làm bờ kè, đường bê tông) của 02 phần diện tích đất còn lại mà gia đình ông Phạm C đã sử dụng trên thực tế (tại thôn L, xã N), để xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm: Chủ tịch UBND xã N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000124 ngày 03-03-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ III);
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cục THA DS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long